| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN K**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST<br>Ngày 18-10-2019<br>V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lưu Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Đặng Thị Đôi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35 ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Thôn 7, xã K, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Quang N, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng: Vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 03/9/2019 và bản tự khai ngày 13/9/2019 chị Huyền trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Bùi Quang N từ đầu năm 2017, có tổ chức cưới, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm. Tuy nhiên trong thời gian sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2018 do phong cách sống không còn phù hợp, anh N thường xuyên theo bạn bè chơi bời, nghiện hút ma túy, không có trách nhiệm đến vợ con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Anh N bị Tòa án nhân dân huyện K áp dụng biện pháp xử lý

hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 02 – T, Hải Phòng từ tháng 8/2017 đến tháng 8/2019 trở về gia đình và địa phương sinh sống. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh N.

Về con chung: Có 01 con là Bùi Quang P, sinh ngày 08/10/2017. Chị xin tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng vì hiện nay chị làm công nhân, mỗi tháng thu nhập kinh tế ổn định 6.000.000 đồng và có nơi ăn ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N trình bày tại bản tự khai ngày 16/9/2019: Thống nhất với chị H về thời gian chung sống như vợ chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2018 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè xã hội. Anh có nghiện hút ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Tháng 8/2017, anh N bị Tòa án nhân dân huyện K áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 02 – T, Hải Phòng đến tháng 8/2019 trở về gia đình và địa phương sinh sống. Còn chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; anh cũng xin ly hôn chị H.

Về con chung: Có 01 con là Bùi Quang P, sinh ngày 08/10/2017. Anh N xin tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng vì hiện nay anh làm nghề lao động tự do, có thu nhập kinh tế ổn định, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị H tự nguyện chung sống với anh Nghiêm từ đầu năm 2017, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, anh N nghiện hút ma túy, bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, không có trách nhiệm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay cả 02 anh chị đều xin ly hôn;

Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận chị Đào Thị H và anh Bùi Quang N là vợ chồng.

3. Về con chung: Anh chị có 01 con là Bùi Quang P, sinh ngày 08/10/2017; nay cả 02 anh chị đều xin được nuôi dưỡng cháu P đến khi đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của đôi bên thấy rằng: Cháu P còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, chị H có đủ điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con và có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị H;

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Bùi Quang P, sinh ngày 08/10/2017 cho chị Huyền nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả công bố công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2017, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2018 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, anh N nghiện hút ma túy, bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, không có trách nhiệm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay cả 02 anh chị đều xin ly hôn; Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Cần xử tuyên bố không công nhận chị H và anh N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con là Bùi Quang P, sinh ngày 08/10/2017; nay cả 02 anh chị đều xin được nuôi dưỡng cháu P đến khi đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của đôi bên thấy rằng: Cháu P còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, chị H có đủ điều kiện đảm bảo về mọi mặt để nuôi dưỡng cháu Phát. Do đó yêu cầu của chị H là có cơ sở được chấp nhận. Cần giao cháu P cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Đào Thị H và anh Bùi Quang N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quang P, sinh ngày 08/10/2017 cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA.0012374 ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thanh Huyền**